

# SP3T-6T 18GHz

负载型

Normally open/Latching

## ◆ 射频特性

频率范围 (GHz)	插入损耗 (dB)	隔离 (dB)	驻波	承载连续功率 (W)
DC-6	0.3	70	1.3	80
6-12	0.4	60	1.4	60
12-18	0.5	50	1.5	50

## ◆ 工作电压/电流

工作电压 (V)		12	24	28
电流 (mA)	Normally open	300	200	180
	Latching	320	200	180
	Latching(RESET)	1920	1200	1080

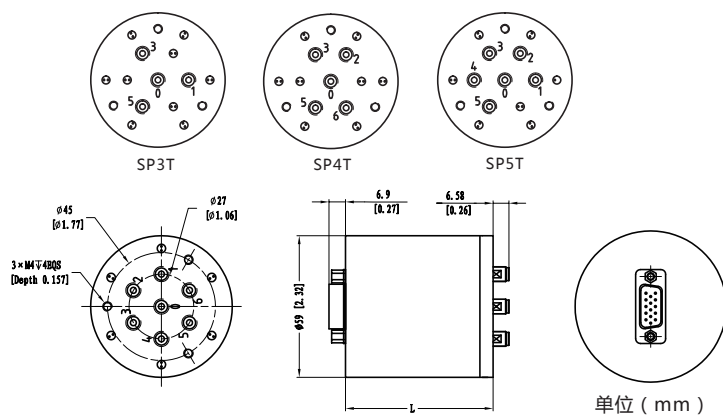
\* 可根据用户要求选择电压

TTL	低电平 (V)	高电平	
	0-0.3	3~5V	1.4mA

指示端	耐压 (V) (max)	电流容量 (mA) (max)	阻值 $\Omega$ (max)
	50	100	15

\* 该功能运行前请先连接控制端 VDC & GND

## ◆ 产品尺寸



单位 (mm)

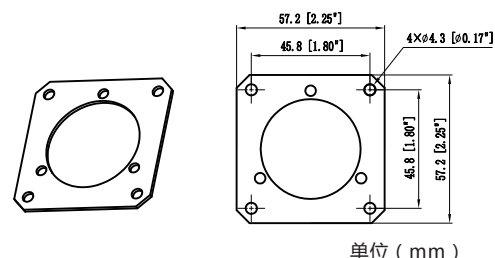
L = 61.5 (非TTL/TTL/指示)



## ◆ 产品特性

- DC至18GHz
- 低驻波, 低损耗, 高隔离
- 连接器形式SMA
- 可选择TTL电平控制

## ◆ 背板



单位 (mm)

## ◆ 技术指标

开关顺序: 先断后合

开关速率:  $\leq 15\text{ms}$

储存温度:  $-55^{\circ}\text{C} \sim 85^{\circ}\text{C}$

工作温度:  $-25^{\circ}\text{C} \sim 65^{\circ}\text{C}$  (标准)

$-45^{\circ}\text{C} \sim 85^{\circ}\text{C}$  (温度扩展1)

$-55^{\circ}\text{C} \sim 85^{\circ}\text{C}$  (温度扩展2)

开关寿命: 200万次

射频连接器: SMA Female

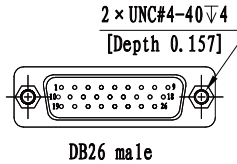
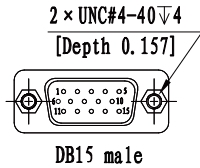
特性阻抗:  $50\Omega$

冲击 (非工作状态): 50G、1/2 Sine、11 ms

振动 (工作状态): 20-2000 Hz、10G RMS

控制接口: D-SUB 15/26Pin Male

重量: 260g



◆ 真值表

\* 针对Latching模式，无指示功能，控制接口DB15 Male。

Latching 非TTL					
控制接口		射频接口			
D-SUB 15/26Pin Male					
Pin No.	定义	SP3T	SP4T	SP5T	SP6T
1	V1	RF 1-0	-	RF 1-0	RF 1-0
2	V2	-	RF 2-0	RF 2-0	RF 2-0
3	V3	RF 3-0	RF 3-0	RF 3-0	RF 3-0
4	V4	-	-	RF 4-0	RF 4-0
5	V5	RF 5-0	RF 5-0	RF 5-0	RF 5-0
6	V6	-	RF 6-0	-	RF 6-0
7	V ( RESET )	-	-	-	-
8	GND	-	-	-	-
9	指示1	RF 1-0	-	RF 1-0	RF 1-0
10	指示2	-	RF 2-0	RF 2-0	RF 2-0
11	指示3	RF 3-0	RF 3-0	RF 3-0	RF 3-0
12	指示4	-	-	RF 4-0	RF 4-0
13	指示5	RF 5-0	RF 5-0	RF 5-0	RF 5-0
14	指示6	-	RF 6-0	-	RF 6-0
15	指示公共端	-	-	-	-
16	VDC	-	-	-	-
17~26		N/A			

注：开关应于激励前，对pin7脚加电进行RESET！

Latching TTL					
控制接口		射频接口			
D-SUB 15/26Pin Male					
Pin No.	定义	SP3T	SP4T	SP5T	SP6T
1	TTL	RF 1-0	-	RF 1-0	RF 1-0
2	TTL	-	RF 2-0	RF 2-0	RF 2-0
3	TTL	RF 3-0	RF 3-0	RF 3-0	RF 3-0
4	TTL	-	-	RF 4-0	RF 4-0
5	TTL	RF 5-0	RF 5-0	RF 5-0	RF 5-0
6	TTL	-	RF 6-0	-	RF 6-0
7	TTL ( RESET )	-	-	-	-
8	VDC	-	-	-	-
9	GND	-	-	-	-
10	指示1	RF 1-0	-	RF 1-0	RF 1-0
11	指示2	-	RF 2-0	RF 2-0	RF 2-0
12	指示3	RF 3-0	RF 3-0	RF 3-0	RF 3-0
13	指示4	-	-	RF 4-0	RF 4-0
14	指示5	RF 5-0	RF 5-0	RF 5-0	RF 5-0
15	指示6	-	RF 6-0	-	RF 6-0
16	指示公共端	-	-	-	-
17~26		N/A			

注：开关应于激励前，对pin7脚加电进行RESET！

Normally open 非TTL					
控制接口		射频接口			
D-SUB 15Pin Male					
Pin No.	定义	SP3T	SP4T	SP5T	SP6T
1	V1	RF 1-0	-	RF 1-0	RF 1-0
2	V2	-	RF 2-0	RF 2-0	RF 2-0
3	V3	RF 3-0	RF 3-0	RF 3-0	RF 3-0
4	V4	-	-	RF 4-0	RF 4-0
5	V5	RF 5-0	RF 5-0	RF 5-0	RF 5-0
6	V6	-	RF 6-0	-	RF 6-0
7	GND	-	-	-	-
8	指示1	RF 1-0	-	RF 1-0	RF 1-0
9	指示2	-	RF 2-0	RF 2-0	RF 2-0
10	指示3	RF 3-0	RF 3-0	RF 3-0	RF 3-0
11	指示4	-	-	RF 4-0	RF 4-0
12	指示5	RF 5-0	RF 5-0	RF 5-0	RF 5-0
13	指示6	-	RF 6-0	-	RF 6-0
14	指示公共端	-	-	-	-
15	VDC	-	-	-	-

Normally open TTL					
控制接口		射频接口			
D-SUB 15Pin Male					
Pin No.	定义	SP3T	SP4T	SP5T	SP6T
1	TTL	RF 1-0	-	RF 1-0	RF 1-0
2	TTL	-	RF 2-0	RF 2-0	RF 2-0
3	TTL	RF 3-0	RF 3-0	RF 3-0	RF 3-0
4	TTL	-	-	RF 4-0	RF 4-0
5	TTL	RF 5-0	RF 5-0	RF 5-0	RF 5-0
6	TTL	-	RF 6-0	-	RF 6-0
7	VDC	-	-	-	-
8	GND	-	-	-	-
9	指示1	RF 1-0	-	RF 1-0	RF 1-0
10	指示2	-	RF 2-0	RF 2-0	RF 2-0
11	指示3	RF 3-0	RF 3-0	RF 3-0	RF 3-0
12	指示4	-	-	RF 4-0	RF 4-0
13	指示5	RF 5-0	RF 5-0	RF 5-0	RF 5-0
14	指示6	-	RF 6-0	-	RF 6-0
15	指示公共端	-	-	-	-

◆ 产品选型

系列	开关掷数	连接器形式	驱动模式	频率	电压	是否负载	控制方式	工作温度	安装方式	控制接口
E		S								
标准版	3:SP3T 4:SP4T 5:SP5T 6:SP6T	SMA	N:Normally open L:Latching	06:DC~6GHz 08:DC~8GHz 12:DC~12.4GHz 18:DC~18GHz	05:5V 12:12V 24:24V 28:28V	W:非负载型 T:负载型	0:非TTL,共地 1:TTL 2:非TTL,共阳 3:self cutoff 4:非TTL,共地,指示 5:TTL,指示 6:非TTL,共阳,指示	0:标准温度 1:温度扩展1 2:温度扩展2	S:常规式 B:背板式	2:DB15(3排) 5:DB26(3排)

★ 例：E3SN0605W00S2：标准版、SP3T、SMA、Normally open、DC~6GHz、5V、非负载型、非TTL，共地、标准温度、常规式、DB15(3排)。